



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÍ IV NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
NINH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ quý IV năm 2013	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ quý IV năm 2013	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ quý IV năm 2013	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý IV năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		775.262.646.033	289.811.859.358
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	368.718.104.135	38.282.191.247
1. Tiền	111		13.718.104.135	8.282.191.247
2. Các khoản tương đương tiền	112		355.000.000.000	30.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		312.024.147.352	185.834.693.868
1. Phải thu khách hàng	131		161.517.793	3.684.056.057
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	296.166.519.949	179.444.953.576
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	15.977.495.212	3.031.882.564
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(281.385.602)	(326.198.329)
IV. Hàng tồn kho	140		53.762.059.406	63.415.593.359
1. Hàng tồn kho	141	V.5	53.762.059.406	63.415.593.359
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.758.335.140	2.279.380.884
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	547.083.481	154.715.025
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.620.673.979	1.160.479.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	9.590.577.680	964.186.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 01a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		882.060.564.288	576.595.441.768
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		503.207.024.910	317.720.745.331
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	243.098.880.889	248.120.693.294
<i>Nguyên giá</i>	222		358.798.491.191	336.553.604.844
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(115.699.610.302)	(88.432.911.550)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	9.881.956.831	15.098.322.159
<i>Nguyên giá</i>	228		11.180.874.439	15.875.078.023
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.298.917.608)	(776.755.864)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	250.226.187.190	54.501.729.878
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		373.994.434.709	257.620.388.395
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	131.406.800.187	14.732.250.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	155.525.027.902	151.488.858.905
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	109.101.234.798	104.317.994.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(22.038.628.178)	(12.918.715.308)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.859.104.669	1.254.308.042
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	4.750.604.669	1.185.808.042
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		108.500.000	68.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.657.323.210.321	866.407.301.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 01a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		822.155.882.027	361.119.221.901
I. Nợ ngắn hạn		310		671.654.665.368	269.065.535.465
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.16	578.726.345.607	176.756.587.087
2. Phải trả người bán		312	V.17	63.895.514.658	28.426.238.603
3. Người mua trả tiền trước		313		194.162.230	27.429.479.800
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.18	6.992.529.234	3.481.242.790
5. Phải trả người lao động		315		7.904.591.100	5.677.452.197
6. Chi phí phải trả		316		1.688.905.435	2.661.085.288
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.19	5.100.983.553	12.803.447.016
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.20	7.151.633.551	11.830.002.684
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		150.501.216.659	92.053.686.436
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.21	150.501.216.659	92.053.686.436
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		835.167.328.294	505.288.079.225
I. Vốn chủ sở hữu		410		835.167.328.294	505.288.079.225
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.22	607.500.000.000	303.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.22	12.132.550.000	12.334.430.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.22	109.220.527.995	101.382.082.596
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.22	15.599.345.134	11.680.122.435
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.22	90.714.905.165	76.141.444.194
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.657.323.210.321	866.407.301.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 01a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		5.487.000	41.904.762
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		13.430,88	90.484,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ninh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý IV năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	41.951.745.070	226.677.988.745	1.016.043.162.937	934.587.514.387	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	924.089.905	845.861.355	924.089.905	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	41.951.745.070	225.753.898.840	1.015.197.301.582	933.663.424.482	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	29.047.539.818	199.429.433.694	859.929.293.677	800.484.363.864	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.904.205.252	26.324.465.146	155.268.007.905	133.179.060.618	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.942.012.401	16.144.092.171	33.813.800.389	54.268.227.899	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.196.853.735	25.276.882.136	41.000.198.866	67.465.784.310	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.997.423.310	6.819.522.561	30.746.293.807	57.607.747.373	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	95.196.031	3.541.339.478	22.315.154.253	9.957.555.569	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.548.796.220	8.494.204.086	35.838.969.045	25.370.005.904	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.994.628.333)	5.156.131.617	89.927.486.130	84.653.942.734	
11. Thu nhập khác	31		867.930.150	2.144.807.956	45.327.311.815	7.313.118.399	
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.308.215.038	901.276.963	35.889.217.758	3.267.038.903	
13. Lợi nhuận khác	40		(440.284.888)	1.243.530.993	9.438.094.057	4.046.079.496	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.434.913.221)	6.399.662.610	99.365.580.187	88.700.022.230	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	(1.978.906.869)	2.600.494.109	20.981.126.199	16.115.590.436	

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 02a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.456.006.352)	3.799.168.501	78.384.453.988	72.584.431.794
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.8	(147)	337	1.290	6.322

Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểuVõ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Ninh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		99.365.580.187	88.700.022.230
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8;9	35.747.103.855	31.076.713.836
- Các khoản dự phòng	03		9.120.000.000	99.980.053
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		79.430.425	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.505.469.288)	(45.322.873.067)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	30.746.293.807	57.607.747.373
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163.552.938.986	132.161.590.425
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(144.271.226.557)	(299.318.001.499)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.653.533.953	233.283.264.928
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.005.392.054)	22.521.995.396
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.957.165.083)	207.312.216
- Tiền lãi vay đã trả	13		(29.322.584.674)	(56.097.548.311)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(17.826.343.821)	(32.458.417.679)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.313.600.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.527.375.652)	(8.702.873.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(48.390.014.902)	(8.402.678.093)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(259.091.541.867)	(67.171.498.684)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		38.139.167.045	180.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(125.493.959.184)	(261.129.467.573)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	148.662.804.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.869.353.053	25.717.624.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(339.576.980.953)	(153.740.537.765)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		303.548.120.000	222.569.800.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16;21	1.450.334.650.965	801.842.331.757
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16;21	(989.917.362.222)	(778.089.438.325)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(45.562.500.000)	(48.533.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		718.402.908.743	197.788.815.432
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		330.435.912.888	35.645.599.574
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.282.191.247	2.636.591.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	368.718.104.135	38.282.191.247

Ninh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu

Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
 - Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
 - Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - Gia công chế tạo cơ khí;
 - Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
 - Vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Sản xuất phân bón;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
 - Sản xuất và kinh doanh bán điện;
 - Kinh doanh bất động sản;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định

Toàn bộ giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình không thỏa mãn tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/2/2013 được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 36 tháng.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

11. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	238.515.295	154.410.604
Tiền gửi ngân hàng	13.479.588.840	8.127.780.643
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	355.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Khánh Hòa	250.000.000.000	-
- Ngân Hàng TMCP Đại Dương-CN Nha Trang	13.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.000.000.000	-
- Ngân Hàng TMCP Á Châu-CN Nha Trang	22.000.000.000	-
- Công ty TNHH TMĐT Thuận Thiên	50.000.000.000	-
Cộng	368.718.104.135	38.282.191.247

2. Đầu tư ngắn hạn

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng từ ngày 23/12/2013 đến ngày 23/6/2014 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Khánh Hòa, lãi suất 7%/năm và trả lãi vào cuối kỳ.

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị đầu tư cho nông dân từ vụ 2008 đến 2011	113.925.854	333.847.780
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2011-2012	63.225.679	1.912.747.336
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2012-2013	1.493.976.140	175.678.657.057
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	166.398.593.599	-
Triveni Turbine Limeted	51.870.829.122	-
Công ty CP SX-TM Bao Bì Thành Thành Công	33.009.216.489	-
Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	30.366.707.350	-
Công ty TNHH TM Đầu tư Thuận Thiên	7.500.000.000	-
Công ty CP Điện Gia Lai	1.760.000.000	-
Công ty CP Bourbon Tây Ninh	1.214.000.000	104.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.376.045.716	1.415.701.403
Cộng	296.166.519.949	179.444.953.576

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Mía Đường 333	4.210.777.200	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu	5.679.720.000	-
Dự án Nhà máy Nhiệt Điện bã mía - Bồi thường giải phóng mặt bằng Đường dây điện 110KV	2.663.339.860	-
Lãi tiền gửi phải thu	1.379.294.444	-
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	-	1.550.000.000
Các đối tượng khác	2.044.363.708	1.481.882.564
Cộng	15.977.495.212	3.031.882.564

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	-	517.300.000
Nguyên liệu, vật liệu	16.520.256.379	14.709.529.201
Công cụ, dụng cụ	45.720.543	38.643.994
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.088.358.801	4.881.556.031
Thành phẩm	29.820.508.288	42.695.273.918
Hàng hóa	287.024.383	573.290.215
Cộng	53.761.868.394	63.415.593.359

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	154.715.025	3.762.593.058
Phát sinh tăng trong năm	1.135.182.431	955.031.171
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(742.813.975)	(4.562.909.204)
Số cuối năm	547.083.481	154.715.025

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	3.535.877.842	295.925.149
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.054.699.838	668.261.200
Cộng	9.590.577.680	964.186.349

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	65.348.542.911	258.075.206.116	11.907.924.942	1.221.930.875	336.553.604.844
Tăng trong năm	2.644.786.231	56.050.887.808	-	1.419.497.381	60.115.171.420
Mua sắm mới	-	2.683.840.546	-	1.240.377.837	3.924.218.383
Đầu tư mới	2.644.786.231	53.367.047.262	-	179.119.544	56.190.953.037
Giảm trong năm	(31.853.826.064)	(5.376.452.857)	-	(640.006.152)	(37.870.285.073)
Thanh lý trong năm	(30.521.015.800)	(1.426.516.330)	-	-	(31.947.532.130)
Điều chỉnh sang chi phí trả trước	(1.332.810.264)	(3.949.936.527)	-	(640.006.152)	(5.922.752.943)
Số cuối năm	36.139.503.078	308.749.641.067	11.907.924.942	2.001.422.104	358.798.491.191

Trong đó:

Dã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9.567.138.289	-	82.455.843	9.649.594.132
---	---	---------------	---	------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	14.209.861.305	71.777.979.180	1.973.786.451	471.284.614	88.432.911.550
Khấu hao trong năm	3.312.470.404	30.421.571.259	1.190.792.496	287.981.312	35.212.815.471
Giảm trong năm	(3.967.432.832)	(3.550.337.429)	-	(428.346.458)	(7.946.116.719)
Thanh lý	(3.255.575.009)	(575.030.140)	-	-	(3.830.605.149)
Điều chỉnh sang chi phí trả trước	(711.857.823)	(2.975.307.289)	-	(428.346.458)	(4.115.511.570)
Số cuối năm	13.554.898.877	98.649.213.010	3.164.578.947	330.919.468	115.699.610.302

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	51.138.681.606	186.297.226.936	9.934.138.491	750.646.261	248.120.693.294
Số cuối năm	<u>22.584.604.201</u>	<u>210.100.428.057</u>	<u>8.743.345.995</u>	<u>1.670.502.636</u>	<u>243.098.880.889</u>

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử Dụng đất	Phần mềm máy tính	Bảng quyền, bằng sáng chế	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.335.998.089	502.700.000	36.379.934	15.875.078.023
Giảm trong năm	(4.657.823.650)	-	(36.379.934)	(4.694.203.584)
Điều chỉnh sang chi phí trả trước	-	-	(36.379.934)	(36.379.934)
Thanh lý trong năm	(4.657.823.650)	-	-	(4.657.823.650)
Số cuối năm	<u>10.678.174.439</u>	<u>502.700.000</u>	<u>-</u>	<u>11.180.874.439</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	622.914.209	150.809.995	3.031.660	776.755.864
Khấu hao trong năm	424.653.408	77.678.742	31.956.234	534.288.384
Điều chỉnh sang chi phí trả trước	-	(12.126.640)	-	(12.126.640)
Số cuối năm	<u>1.047.567.617</u>	<u>216.362.097</u>	<u>34.987.894</u>	<u>1.298.917.608</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.713.083.880	351.890.005	33.348.274	15.098.322.159
Số cuối năm	<u>9.630.606.822</u>	<u>286.337.903</u>	<u>(34.987.894)</u>	<u>9.881.956.831</u>

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	54.501.729.878	64.090.641.512
Phát sinh tăng trong năm	250.752.729.280	59.027.781.944
Kết chuyển sang tài sản cố định trong năm	(55.028.271.968)	(68.616.693.578)
Số dư cuối năm	<u>250.226.187.190</u>	<u>54.501.729.878</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung (*)	736.195	15.278.135.340	690.750	14.732.250.000
Công ty CP Mía Đường Phan Rang (**)	1.619.198	24.128.664.847	-	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (***)	-	92.000.000.000	-	-
Cộng		131.406.800.187		14.732.250.000

(*) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 45.445 cổ phiếu của Công ty CP Bò Giồng Miền Trung với giá mua là 545.885.340 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 736.195 cổ phiếu, tương đương 62,92% vốn điều lệ của Công ty CP Bò Giồng Miền Trung (số đầu năm là 690.750 cổ phiếu, tương đương 59,40% vốn điều lệ).

(**) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 305.988 cổ phiếu của Công ty CP Mía Đường Phan Rang với giá mua là 4.164.833.844 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.619.198 cổ phiếu, tương đương 51,68% vốn điều lệ của Công ty CP Mía Đường Phan Rang (số đầu năm là 1.313.210 cổ phiếu, tương đương 41,90% vốn điều lệ - Xem thuyết minh V.12).

(***) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201575358 ngày 09 tháng 10 năm 2013 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp; Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa có vốn điều lệ 300.000.000.000 VND là Công ty con có 100% vốn của chủ sở hữu Công ty CP Đường Ninh Hòa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 92.000.000.000 VND, tương đương 30,7% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa là 208.000.000.000 VND.

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	6.400.000	112.918.628.178	4.000.000	88.918.628.178
Công ty CP Mía Đường 333	3.508.981	42.606.399.724	3.508.981	42.606.399.724
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	-	-	1.313.210	19.963.831.003
Cộng		155.525.027.902		151.488.858.905

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Điện Gia Lai (GEC)	7.000.000	84.000.000.000	7.000.000	84.000.000.000
Công ty CP Giao dịch hàng hóa SGTT	1.500.000	19.500.000.000	1.500.000	19.500.000.000
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành	420.000	4.200.000.000	-	-
Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS)	116.648	1.401.234.798	58.324	817.994.798
Cộng		109.101.234.798		104.317.994.798

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.918.715.308	12.674.525.848
Trích lập dự phòng trong năm	19.520.000.000	14.318.715.308
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán trong năm	(10.400.087.130)	(14.074.525.848)
Số cuối năm	22.038.628.178	12.918.715.308

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.185.808.042	1.285.204.874
Phát sinh tăng trong năm	4.089.158.155	978.991.491
K/c vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(524.361.528)	(1.078.388.323)
Số dư cuối năm	4.750.604.669	1.185.808.042

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	558.379.780.311	146.845.422.227
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang	133.234.657.033	11.477.697.673
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	45.000.000.000	79.696.370.994
Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa	11.950.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	14.000.000.000	55.671.353.560
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa	18.195.123.278	-
Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM	21.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	235.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN1, Tp.HCM	30.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	20.346.565.296	29.911.164.860
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	20.346.565.296	-
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín	-	29.911.164.860
Cộng	578.726.345.607	176.756.587.087

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	1.279.486.869.010	(867.952.510.926)	558.379.780.311
Vay ngắn hạn ngân hàng	146.845.422.227	1.165.586.869.010	(754.052.510.926)	558.379.780.311
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	-	246.313.175.000	(11.313.175.000)	235.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương -CN Nha Trang	-	182.647.412.195	(49.412.755.162)	133.234.657.033
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	79.696.370.994	172.848.000.000	(207.544.370.994)	45.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN1, Tp.HCM	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM	-	21.000.000.000	-	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Khánh Hòa	11.477.697.673	96.414.869.204	(89.697.443.599)	18.195.123.278
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	55.671.353.560	114.346.636.937	(156.017.990.497)	14.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN Khánh Hòa	-	97.245.583.968	(85.295.583.968)	11.950.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang	-	48.295.263.187	(48.295.263.187)	-
Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam-CN Khánh Hòa	-	57.095.928.519	(57.095.928.519)	-
Ngân hàng TM CP Á Châu	-	49.380.000.000	(49.380.000.000)	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	113.900.000.000	(113.900.000.000)	-
Công ty CP Đường Biên Hòa	-	50.000.000.000	(50.000.000.000)	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	-	51.900.000.000	(51.900.000.000)	-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	-	12.000.000.000	(12.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	29.911.164.860	20.346.565.296	(29.911.164.860)	20.346.565.296
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	-	20.346.565.296	-	20.346.565.296
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín	29.911.164.860	-	(29.911.164.860)	-
Cộng	176.756.587.087	1.299.833.434.306	(897.863.675.786)	578.726.345.607

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công Ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	21.830.746.350	2.217.541.850
Tiền mía, tiền vận chuyển mía	8.485.312.409	10.949.400.759
Công ty CP Công Nghiệp Hiệp Thành	6.339.623.700	5.380.918.000
Công ty CP Đường Biên Hòa	4.791.721.766	-
Công ty TNHH MHE-Demag Việt Nam	3.683.710.800	-
Công ty TNHH MTV THG Việt Nam	2.359.318.141	-
Behn Meyer Specialty Chemicals SDN.BHD	1.487.913.629	1.593.685.375

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
GEA Heat Exchangers Pte Ltd	1.442.178.290	-
Công ty TNHH Tân Hùng Thái	993.350.985	-
Công ty TNHH XD-TM-DV Trung Hưng Thịnh	972.957.370	-
Công ty TNHH Tháp Giải Nhiệt B.K.K.Vina	922.680.000	-
Công ty TNHH Nhật Quang	807.961.440	-
Công ty TNHH Nguyễn Phú	711.521.290	-
Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	598.485.800	-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	52.408.700	-
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	-	329.886.865
Các nhà cung cấp khác	8.415.432.976	7.954.805.754
Cộng	63.895.323.646	28.426.238.603

18. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	26.429.550.397	(26.429.550.397)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.762.805.244	(21.762.805.244)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	64.691.476	792.113.720	(856.805.196)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.783.010.002	20.981.126.199	(17.826.343.821)	5.937.792.380
Thuế thu nhập cá nhân	633.496.912	3.765.454.569	(3.815.580.007)	583.371.474
Thuế tài nguyên	44.400	5.581.760	(5.123.680)	502.480
Thuế nhà đất	-	82.943.200	(82.943.200)	-
Các loại thuế khác	-	1.798.069.820	(1.327.206.920)	470.862.900
Thuế Môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế nhà thầu	-	1.794.069.820	(1.323.206.920)	470.862.900
Cộng	3.481.242.790	75.617.644.909	(72.106.358.465)	6.992.529.234

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bún tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.434.913.221)	6.399.662.610
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.736.289.264)	(4.597.652.024)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
- Các khoản điều chỉnh tăng	489.872.736	414.488.976
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.226.162.000)	(5.012.141.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	(11.171.202.485)	1.802.010.586
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	450.502.647
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp theo Quyết toán cả năm	(1.978.906.869)	2.274.404.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm		(124.412.938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(1.978.906.869)	2.600.494.109

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	76.084.844	269.801.813
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	2.702.368	123.046.625
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	-	8.000.000.000
Phải trả tiền cổ tức đợt 2 năm 2011	2.091.122.000	2.091.122.000
Phải trả tiền đặt cọc, ký cược	899.800.000	1.189.600.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	571.111.000	-
Các khoản phải trả khác	1.460.163.341	1.129.876.578
Cộng	5.100.983.553	12.803.447.016

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	7.926.328.116	3.375.033.432	528.641.136	11.830.002.684
Trích trong năm	5.486.911.779	2.323.133.620	2.037.722.699	9.847.768.098
Thu khác	-	28.400.000	-	28.400.000
Chi quỹ trong năm	(7.214.362.135)	(3.182.051.916)	(801.180.001)	(11.197.594.052)
Giảm do điều chỉnh	(2.540.455.112)	(1.088.766.477)	272.278.410	(3.356.943.179)
Cộng	3.658.422.648	1.455.748.659	2.037.462.244	7.151.633.551

21. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	92.053.686.436
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	101.732.826.364	-
Thuế tài chính – Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân Hàng Á Châu	48.768.390.295	-
Cộng	150.501.216.659	92.053.686.436

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	92.053.686.436	101.732.826.364	(92.053.686.436)	101.732.826.364
<i>Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín</i>	-	101.732.826.364	-	101.732.826.364
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (*)</i>	92.053.686.436	-	(92.053.686.436)	-
Nợ dài hạn	-	48.768.390.295	-	48.768.390.295
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (**)</i>	-	48.768.390.295	-	48.768.390.295
Cộng	92.053.686.436	150.501.216.659	(92.053.686.436)	150.501.216.659

(*) Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam):

Hợp đồng tín dụng số VNM 130590CM ngày 03 tháng 07 năm 2013; Giá trị vay 12.000.000 USD (Mười hai triệu Đô La Mỹ chẵn); thời hạn rút vốn 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để tài trợ mua máy móc thiết bị gia tăng công suất từ 4.300Tấn/ngày lên 6.000 Tấn/ngày; Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Trước ngày rút vốn lần đầu theo hợp đồng được Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công bảo lãnh với khoản tiền được bảo lãnh tương đương 12.000.000 USD; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số VNM 130590 CM/MM2 ngày 03 tháng 07 năm 2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số VNM 130590 CM/LH ngày 10 tháng 10 năm 2013; Hợp đồng thế chấp số VNM 130590 CM/MM1 ngày 02 tháng 10 năm 2013.

()** Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân Hàng Á Châu:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.04.13/HĐCTTC-ĐNH ngày 22 tháng 4 năm 2013; Tài sản cho thuê là 01 Bộ tổ máy Turbine máy phát điện công suất 30.000 KW, Model: 30MW STG, xuất xứ Ấn Độ, mới 100%; Giá trị tài sản cho thuê bằng VND tương đương 2.734.000 USD theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng Á Châu tại ngày thanh toán cho bên cung ứng tài sản; Số tiền cho thuê: 54.065.000.000 VND (Năm mươi bốn tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu đồng) + 100% phí bảo hiểm. Số tiền cho thuê được giải ngân nhiều lần trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày ký HĐCTTC hoặc theo tiến độ được bên thuê chấp thuận bằng văn bản; Giá trị mua lại tài sản là: 162.195.000 VND (Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và thu một lần khi kết thúc thời hạn cho thuê tài chính hoặc khi HĐCTTC được thanh lý; Biện pháp đảm bảo tiền vay là số tiền ký cược của bên thuê: 5.406.500.000 VND (Năm tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu năm trăm ngàn đồng); Lãi suất cho thuê tài chính: lãi suất trong hạn được quy định theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định tại HĐCTTC; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn cho thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn vốn gốc 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Ngày nhận nợ là ngày Hợp đồng mua bán tài sản giữa bên cung ứng tài sản, Bên cho thuê và Bên thuê hoặc Hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Bên cho thuê và Bên thuê có hiệu lực theo pháp luật. Thanh toán tiền thuê tài chính: Nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ hàng quý theo dư nợ thực tế, trả sau thời gian ân hạn vốn gốc, số tiền trả nợ hàng quý định kỳ mỗi năm theo tỷ lệ như sau:

Lần	Ngày trả nợ	Tỷ lệ trả nợ vốn gốc
1	20/03	15%
2	20/06	35%
3	20/09	35%
4	20/12	15%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2013

22. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	81.000.000.000	12.514.630.000	94.141.270.299	8.100.000.000	76.466.815.154	272.222.715.453
Tăng vốn trong năm trước	222.750.000.000	-	-	-	-	222.750.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	72.584.431.794	72.584.431.794
Trích quỹ trong năm trước	-	-	10.887.664.769	3.629.221.590	(25.932.272.718)	(11.415.386.359)
Điều chỉnh	-	(180.200.000)	(3.646.852.472)	(49.099.155)	3.647.469.964	(228.681.663)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(50.625.000.000)	(50.625.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	303.750.000.000	12.334.430.000	101.382.082.596	11.680.122.435	76.141.444.194	505.288.079.225
Số dư tại ngày 01/01/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	101.382.082.596	11.680.122.435	76.141.444.194	505.288.079.225
Tăng vốn trong năm	303.750.000.000	(201.880.000)	-	-	-	303.548.120.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	78.384.453.988	78.384.453.988
Trích quỹ trong năm	-	-	7.838.445.399	3.919.222.699	(21.605.436.196)	(9.847.768.098)
Điều chỉnh	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(45.562.500.000)	(45.562.500.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	90.714.905.165	835.167.328.294

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng doanh thu	41.951.745.070	226.677.988.745
- Doanh thu đường RS	40.517.217.846	225.122.291.208
- Doanh thu mật ri	366.704.716	147.746.630
- Doanh thu bán bún, tro	20.277.281	114.780.599
- Doanh thu điện thương phẩm	81.735.716	192.644.300
- Doanh thu khác	965.809.511	1.100.526.008
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(924.089.905)
- Giảm giá hàng bán	-	(924.089.905)
Doanh thu thuần	41.951.745.070	225.753.898.840

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá vốn đường RS	27.661.717.446	197.928.989.911
Giá vốn mật ri	366.704.716	147.746.521
Giá vốn bán bún, tro	20.277.281	108.790.197
Giá vốn điện thương phẩm	81.735.716	192.644.300
Giá vốn khác	917.104.659	1.051.262.765
Cộng	29.047.539.818	199.429.433.694

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.229.162.000	5.012.141.000
Lãi đầu tư nông dân trồng mía	7.105.248.560	10.434.017.463
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.607.601.841	697.933.708
Cộng	14.942.012.401	16.144.092.171

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí lãi vay	8.997.423.310	6.819.522.561
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	9.120.000.000	11.073.003.723
Chênh lệch tỷ giá	79.430.425	-
Chi phí tài chính khác	-	7.384.355.852
Cộng	18.196.853.735	25.276.882.136

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	75.916.484	216.544.036
Chi phí vận chuyển	13.423.447	3.310.682.442
Chi phí bán hàng khác	5.856.100	14.113.000
Cộng	95.196.031	3.541.339.478

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.932.467.926	4.827.873.757
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	400.524.147	207.237.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	555.510.725	458.042.635
Chi phí khác	3.660.293.422	3.001.050.355
Cộng	15.548.796.220	8.494.204.086

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí phạt vi phạm hành chính	47.964.872	156.937.379
Chi phí thanh lý tài sản	-	84.274.177
Chi phí khác	1.260.250.166	660.065.407
Cộng	1.308.215.038	901.276.963

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.456.006.352)	3.799.168.501
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.456.006.352)	3.799.168.501
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.375.000	11.262.329
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(147)	337

VII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ là 200.000.000 VND, cùng kỳ năm trước là 141.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 2.119.861.547 VND, cùng kỳ năm trước là 1.653.992.000 VND

2. *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	Công ty con
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Công ty con
Công ty CP Mía Đường 333	Công ty liên kết
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Dầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 19,43% vốn điều lệ
Công ty CP Điện Gia Lai	Cổ đông sở hữu 11,31% vốn điều lệ
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty CP Bourbon Tây Ninh	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty CP Đường Biên Hòa	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công	Công ty liên kết của cổ đông lớn

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung		
- Chi đầu tư trồng mía	437.016.000	-
- Lãi phải thu đầu tư	190.662.852	-
- Mua cổ phiếu	48.648.600	14.732.250.000
- Chi phí thuê đất	72.600.000	36.290.529
Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang		
- Mua cổ phiếu	24.128.664.847	-
- Nhận cổ tức	-	1.837.173.000
- Bán thanh lý tài sản	-	756.051.364
- Mua hàng hóa	-	191.347.000
- Thu tiền bán thanh lý tài sản	87.170.014	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa		
- Góp vốn	92.000.000.000	-
- Vay ngắn hạn	51.900.000.000	-
- Thanh toán tiền vay ngắn hạn	51.900.000.000	-
- Chi phí lãi vay phải trả	571.111.000	-
Công ty Cổ Phần Mía Đường 333		
- Tiền lãi của cổ tức còn phải thu	209.135.267	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
- Mua cổ phiếu	-	18.380.370.000
- Nhận cổ tức	-	4.177.360.000
- Thu tiền lãi do ứng trước tiền mua cổ phiếu	-	1.633.004.463

Công ty Cổ Phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai

- Thu tiền bán thanh lý tài sản	660.000.000	-
- Mua cổ phiếu	-	88.785.450.000
- Nhận cổ tức	-	5.000.000.000

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công

- Nhận tiền ứng trước và thu tiền bán đường, mật ri	56.775.577.385	505.951.968.000
- Bán hàng hóa (đường, mật ri)	13.738.550.000	343.814.969.500
- Phải thu lãi chậm thanh toán	777.397.332	-
- Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ, thiết bị	622.567.901	-
- Mua giải pháp công nghệ, dịch vụ tư vấn, khác	494.292.700	1.641.825.700
- Lãi ứng trước tiền đường, mật	-	5.565.793.386

Công ty CP Điện Gia Lai

- Mua cổ phiếu	24.000.000.000	88.785.450.000
- Mua dịch vụ tư vấn	1.593.276.000	-
- Thanh toán tiền mua dịch vụ tư vấn	850.276.000	-
- Nhận cổ tức	-	5.000.000.000

Công ty Cổ Phần SX TM Bao Bì Thành Thành Công

- Ký quỹ thực hiện hợp đồng mua hàng hóa	25.000.000.000	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	10.256.400.000	-
- Thanh toán tiền mua hàng	6.105.000.000	11.695.085.050
- Mua bao bì, hàng hóa	1.302.400.000	8.260.631.665
- Phải thu tiền lãi ứng trước tiền mua hàng	218.307.489	-
- Bán hàng hóa (đường, mật ri)	30.100.000	15.605.400.000
- Thu tiền bán hàng hóa (đường)	-	15.605.400.000

Công ty Cổ Phần Bourbon Tây Ninh

- Nhận tiền ứng trước tiền mua đường	-	109.350.000.000
- Lãi ứng vốn tiền mua đường	-	4.146.187.500
- Ứng trước tiền mua dịch vụ tư vấn	-	104.000.000
- Thanh toán tiền ứng trước tiền mua đường	-	109.350.000.000

Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa

- Vay ngắn hạn	50.000.000.000	-
----------------	----------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
- Thanh toán tiền vay ngắn hạn	50.000.000.000	-
- Mua dịch vụ thuê kho, bốc xếp, vận chuyển	4.791.721.766	-
- Mua cổ phiếu	583.240.000	742.930.000
- Nhận cổ tức	29.162.000	24.282.000
- Thanh toán chi phí lãi vay	398.444.000	-
- Nhận tiền ứng trước và thu tiền bán hàng	-	268.516.289.771
- Bán hàng hóa (đường)	-	270.047.679.704
- Lãi nhận ứng trước tiền bán đường	-	1.531.389.933

Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công

- Mua cổ phiếu	4.200.000.000	-
----------------	---------------	---

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công (Xem thuyết minh V.3)	33.009.216.489	-
Công ty CP Mía Đường 333 (Xem thuyết minh V.4)	4.210.777.200	-
Công ty CP Điện Gia Lai (Xem thuyết minh V.3)	1.760.000.000	-
Công ty CP Bourbon Tây Ninh (Xem thuyết minh V.3)	1.214.000.000	104.000.000
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	-	1.550.000.000
Cộng các khoản phải thu	40.193.993.689	1.654.000.000
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	-	329.886.865
Công ty CP Đường Biên Hòa (Xem thuyết minh V.17)	4.791.721.766	-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công (Xem thuyết minh V.17)	52.408.700	26.728.932.000
Cộng các khoản phải trả	4.844.130.466	27.058.818.865

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin khác

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV năm 2013 so với Quý IV năm 2012

	Quý IV/2013	Quý IV/2012	Biến động (+,-)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.904.205.252	26.324.465.146	(13.420.259.894)	(50,98)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.994.628.333)	5.156.131.617	(11.150.759.950)	(216,26)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.434.913.221)	6.399.662.610	(12.834.575.831)	(200,55)

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý IV năm 2013 giảm so với cùng kỳ năm trước là 13.420.259.894 VND, tương đương giảm 50,98%; nguyên nhân do sản lượng bán ra năm nay tăng đáng kể ở Quý III năm 2013, thành phẩm tồn kho Quý IV năm 2013 thấp vì vậy sản lượng bán ra giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế Quý IV năm 2013 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước là 12.834.575.831 VND, tương đương giảm 200,55%, biến động giảm cùng chiều với lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ninh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CP
V